

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-PT

Ngày 19/5/2020

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Hương

*Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Hà Giang

Ông Nguyễn Kim Ái

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Huyền- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ:** Bà Nguyễn Thị Lan Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 05 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 47/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2020/QĐXXPT-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Lương Phương D, sinh năm 1997.

ĐKKHKT: Khu 1, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu 3, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn H. Địa chỉ: Công ty luật TNHH D, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. ( Vắng mặt. Tại phiên tòa, chị D từ chối người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp)

**Bị đơn:** Anh Dương Nguyễn Quốc H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Khu 1, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ.(Có mặt)

**Người có quyền lợi liên quan:** Ông Dương Văn L, sinh năm 1960

Địa chỉ: Công ty TNHH G. Lô C6, nhà lưu trú khu công nghiệp H, xã H, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh.(Có mặt)

**Người kháng cáo:**Chị Lương Phương D - nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lương Phương D trình bày:* Chị và anh Dương Nguyễn Quốc H đăng ký kết hôn ngày 07/7/2015 tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung với gia đình anh H tại xã H, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh được khoảng 02 năm thì vợ chồng ra ở riêng tại khu 1, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh H cũng không quan tâm đến gia đình, vợ con. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh H.

*Bị đơn là anh Dương Nguyễn Quốc H trình bày:* Thời gian kết hôn và quá trình chung sống như chị D trình bày là đúng. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị D có quan hệ với người đàn ông khác, anh yêu cầu chị D chấm dứt mối quan hệ nhưng chị D không nghe theo nên vợ chồng mới mâu thuẫn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị D muốn ly hôn thì anh đồng ý và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình cho hai bên.

*Nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày:*

**Về con chung:** Chị D và anh H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Bảo V, sinh ngày 23/7/2016. Khi ly hôn chị D và anh H đều xin được nuôi con và cả hai bên đều không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về tài sản chung:** Chị D và anh H xác nhận vợ chồng có tài sản chung là 01 ngôi nhà xây 02 tầng, diện tích xây dựng 300m<sup>2</sup> tại thửa đất số 381, tờ bản đồ số 02, địa chỉ tại ngã tư T, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ, đất đã được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL847380 ngày 15/12/2017 đứng tên anh Dương Nguyễn Quốc H và chị Lương Phương D. Nguồn gốc đất do vợ chồng đứng ra mua, nhưng nguồn tiền mua đất và xây nhà chủ yếu do bố mẹ đẻ của anh H cho vợ chồng. Ngoài ra còn một số đồ dụng phục vụ sinh hoạt gia đình.

Tại Biên bản hòa giải ngày 29/8/2019 giữa chị D và anh H thỏa thuận với nhau về việc tự phân chia tài sản chung như sau: Anh H được sở hữu và sử dụng tài sản là 01 ngôi nhà xây 02 tầng, diện tích xây dựng 300m<sup>2</sup> như trên; Anh H tự nguyện thanh toán cho chị D số tiền chênh lệch tài sản là 600.000.000đ. Còn các đồ dùng sinh hoạt gia đình anh, chị tự giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải ngày 26/9/2019, chị D đề nghị anh H phải thanh toán chênh lệch tài sản là ngôi nhà và quyền sử dụng đất 300m<sup>2</sup> với ½ giá trị tài sản theo giá thị trường hiện nay. Phía anh H không đồng ý, chỉ đồng ý thanh toán cho chị D

600.000.000đ vì anh cho rằng nguồn gốc hình thành tài sản là do bố đẻ anh cho vợ chồng còn vợ chồng mới cưới không có tiền để mua được tài sản chung như vậy.

**Về nợ chung:** chị D và anh H đều xác nhận không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Về công sức đóng góp:** Chị D và anh H đều xác nhận không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Dương Văn L trình bày:* Ông là bố đẻ của anh Dương Nguyễn Quốc H, số tiền ông cho các con mua đất là 600.000.000đ đã gửi bố mẹ đẻ chị D là ông Lương Văn K cùng số tiền ông cho các con trong thời gian làm nhà là 1.200.000.000đ có in sao kê của ngân hàng. Quan điểm của ông L là đề nghị Tòa án chia tài sản chung theo công sức đóng góp của mỗi bên theo quy định pháp luật.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số:47/2019/HNGĐ-ST ngày 28/11/2019 TAND huyện P đã quyết định:Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2, 3 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự; các Điều 55, 59, 62, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lương Phương D và anh Dương Nguyễn Quốc H.

2. Về con chung: Giao cho anh Dương Nguyễn Quốc H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Dương Bảo V, sinh ngày 23/7/2016, kể từ tháng 11/2019 cho đến khi con chung thành niên.Chị D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh H, vì anh H không yêu cầu. Hai bên đều có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

- Giao cho anh Dương Nguyễn Quốc H nhà và đất gồm: được quyền sở hữu, sử dụng 01 ngôi nhà xây hai tầng, xây trên diện tích 300m<sup>2</sup> đất ở; thuộc thửa đất số 381, tờ bản đồ số 02 ở tại ngã tư T thuộc khu 1, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL847380 do UBND huyện P, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 15/12/2017 đứng tên anh Dương Nguyễn Quốc H và chị Lương Phương D. Giá trị tài sản chung là 1.474.793.000đ.

- Anh Dương Nguyễn Quốc H có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch về tài sản chung cho chị Lương Phương D số tiền là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng chẵn).

Anh H được hưởng giá trị về tài sản chung là: 1.474.793.000đ – 600.000.000đ = 874.793.000đ (Tám trăm bảy mươi tư triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng

chấn).

Kể từ khi bản án có hiệu lực, nếu anh H không thanh toán cho chị D số tiền 600.000.000đ, mà chị D có đơn đề nghị thi hành án, thì anh H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

4. Về công nợ và công sức: Chị D và anh H không đề nghị Tòa án, do vậy không giải quyết.

Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền thi hành án và lãi suất chậm trả.

Ngày 11/12/2019 chị Lương Phương D có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị được trực tiếp nuôi con chung là cháu Dương Bảo V; đối với chia tài sản chung chị đồng ý nhận 600.000.000đ nhưng đề nghị Tòa án buộc anh H phải thanh toán một lần trong thời gian gần nhất kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Lương Phương D giữ nguyên toàn bộ nội dung kháng cáo. Anh H, chị D không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con chung, anh, chị đều muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Bảo V. Về kháng cáo của chị D yêu cầu anh H thanh toán số tiền 600.000.000đ làm một lần, tại phiên tòa anh H đồng ý và anh, chị đã thỏa thuận sẽ thanh toán 600.000.000đ làm một lần vào tháng 6 năm 2020.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng, những người tham gia tố tụng được thực hiện các quyền của mình theo quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của chị D. Giao con chung là cháu Dương Bảo V cho chị Lương Phương D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận thỏa thuận của chị D, anh H tại phiên tòa về việc anh H có nghĩa vụ thanh toán 600.000.000đ cho chị D một lần trong tháng 6 năm 2020.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:*

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của chị Lương Phương D trong thời hạn luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của chị Lương Phương D:

[2.1] Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Dương Bảo V, sinh ngày 23/7/2016. Khi ly hôn

cả hai anh chị đều có nguyện vọng nuôi con chung. Xét thấy, từ khi còn nhỏ đến giờ cháu V sống với chị D được chị D nuôi nấng chăm sóc. Đến nay chị D đã có chỗ ở ổn định là 01 nhà xây 02 tầng, diện tích xây dựng 240m<sup>2</sup> tại địa chỉ khu 3, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ do bố mẹ đẻ của chị D tặng cho ngày 26/3/2020. Chị D có công việc ổn định, thu nhập từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ, giờ làm việc trong giờ hành chính từ 07 giờ đến khoảng 16 giờ 15 phút từ thứ hai đến thứ bảy, nghỉ chủ nhật. Về điều kiện nuôi con, anh H cũng có đủ điều kiện đảm bảo nuôi được con chung, việc Tòa án cấp sơ thẩm giao cho anh H nuôi con là có cơ sở. Tuy nhiên, đến nay chị D cũng có đầy đủ các điều kiện về chỗ ở ổn định, thu nhập, thời gian chăm sóc con, xét thấy cháu V là bé gái lại còn nhỏ nên cần được chăm sóc nuôi dưỡng, việc giao cháu V cho mẹ trực tiếp chăm sóc, giáo dục sẽ đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển cả về thể chất, tinh thần của cháu nên kháng cáo của chị D về việc xin nuôi con chung là có cơ sở chấp nhận cần sửa quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm để giao cháu Dương Bảo V, sinh ngày 23/7/2016 cho chị D được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung, chị D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[2.2] Đối với kháng cáo của chị D yêu cầu anh H phải thanh toán số tiền 600.000.000đ cho chị một lần trong thời gian gần nhất kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, chị D kháng cáo về thời gian thanh toán, tại phiên tòa phúc thẩm anh H đồng ý thanh toán 1 lần cho chị D vào tháng 6/2020. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự không trái với quy định của pháp luật cần được ghi nhận.

Quá trình thụ lý giải quyết tại cấp phúc thẩm đã nhận được tài liệu do gia đình anh H cung cấp về việc chứng minh các chi phí khi xây nhà. Tuy nhiên không ai có kháng cáo về phần phân chia giá trị tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đánh giá.

Tại phiên tòa, chị D nộp 01 USB, theo trình bày của chị D đây là USB ghi lại hình ảnh anh H đưa bạn gái về nhà ngủ khi tòa án đang giải quyết ly hôn cho các anh chị. Xét thấy về quan hệ hôn nhân anh chị đã tự nguyện ly hôn không ai kháng cáo đến nay đã có hiệu lực nên Hội đồng xét xử không đánh giá đối với tài liệu chứng cứ này.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của chị D được chấp nhận nên chị D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị Lương Phương D. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Xử:

1. Về con chung: Giao cho chị Lương Phương D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Dương Bảo V, sinh ngày 23/7/2016 kể từ tháng 5 năm 2020 cho đến khi con chung thành niên. Anh Dương Nguyễn Quốc H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị D vì chị D không yêu cầu. Hai bên đều có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về tài sản chung:

- Giao cho anh Dương Nguyễn Quốc H quyền sở hữu nhà, và quyền sử dụng đất gồm: 01 ngôi nhà xây hai tầng, xây trên diện tích 300m<sup>2</sup> đất ở; thuộc thửa đất số 381, tờ bản đồ số 02; ở tại ngã tư Trung Giáp thuộc khu 1, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL847380 do UBND huyện P, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 15/12/2017, đứng tên anh Dương Nguyễn Quốc H và chị Lương Phương D. Giá trị tài sản chung là: 1.474.793.000đ (Một tỷ bốn trăm bảy mươi tư triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng chẵn).

- Anh Dương Nguyễn Quốc H có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch về tài sản chung cho chị Lương Phương D số tiền là: 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng chẵn). Công nhận anh Dương Nguyễn Quốc H và chị Lương Phương D thống nhất thỏa thuận Anh Dương Nguyễn Quốc H thanh toán một lần số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng chẵn) này vào tháng 6 năm 2020.

Anh H được hưởng giá trị về tài sản chung là: 1.474.793.000đ – 600.000.000đ = 874.793.000đ (Tám trăm bảy mươi tư triệu, bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng chẵn).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu anh H không thanh toán cho chị D số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), mà chị D có đơn đề nghị thi hành án, thì anh H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí phúc thẩm: Chị Lương Phương D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm. Hoàn trả cho chị Lương Phương D 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2018/0002291 ngày 23/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Thọ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh;
- TANDhuyện P;
- THADS huyện P;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ + AV;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thùy Hương**

Anh H được hưởng giá trị về tài sản chung là: 1.474.793.000đ – 600.000.000đ = 874.793.000đ (Tám trăm bảy mươi tư triệu, bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng chẵn).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu anh H không thanh toán cho chị D số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), mà chị D có đơn đề nghị thi hành án, thì anh H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí phúc thẩm: Chị Lương Phương D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm. Hoàn trả cho chị Lương Phương D 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002291 ngày 23/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Thọ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hà Giang**

**Nguyễn Kim Ái**

**Nguyễn Thị Thùy Hương**